

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ LỄ TỐT NGHIỆP 23.9.2023
VIỆN CÔNG NGHỆ SINH HỌC VÀ THỰC PHẨM

TT	Đợt TN	QĐ	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Nữ	Mã Lớp	Tên ngành	Xếp loại KT	Giấy khen	Số Ghế	Ghi chú
1	DA1	28	06/01/2023	B1803810	Nguyễn Khánh Ngân	N	DA1866T1	Công nghệ sinh học (CTTT)	XS	TK	A2	Lên SK
2	DA1	28	06/01/2023	B1804041	Trần Thành Tâm		DA1866T1	Công nghệ sinh học (CTTT)	XS	x	A4	Lên SK
3	DA1	28	06/01/2023	B1804035	Lê Huỳnh Bằng Nguyễn	N	DA1866T1	Công nghệ sinh học (CTTT)	Giỏi	x	A6	
4	DA1	28	06/01/2023	B1804043	Trần Thị Mỹ Tiên	N	DA1866T1	Công nghệ sinh học (CTTT)	Giỏi	x	A8	
5	DA1	28	06/01/2023	B1803836	Tổng Lê Hoàng Quyên	N	DA1866T1	Công nghệ sinh học (CTTT)	Giỏi	x	A10	
6	DA1	28	06/01/2023	B1804017	Nguyễn Thị Như Ý	N	DA1866T1	Công nghệ sinh học (CTTT)	Giỏi	x	A12	
7	DA1	28	06/01/2023	B1804047	Huỳnh Nguyễn Châu Vy	N	DA1866T1	Công nghệ sinh học (CTTT)	Giỏi	x	A14	
8	DA2	2598	12/06/2023	B1804023	Nguyễn Hoàng Gia Hân	N	DA1866T1	Công nghệ sinh học (CTTT)			A16	
9	DA3	4050	22/08/2023	B1803892	Nguyễn Ngọc Huy Bình		DA1866T1	Công nghệ sinh học (CTTT)			A18	
10	DA2	2598	12/06/2023	B1804042	Trần Bá Thiên		DA1866T1	Công nghệ sinh học (CTTT)			A20	
11	DA3	4050	22/08/2023	B1803921	Nguyễn Khoa Hoàng Khang		DA1866T1	Công nghệ sinh học (CTTT)			A22	
12	DA2	2598	12/06/2023	B1804018	Hoàng Văn Anh	N	DA1866T1	Công nghệ sinh học (CTTT)			A24	
13	DA3	4050	22/08/2023	B1804038	Nguyễn Như Quỳnh	N	DA1866T1	Công nghệ sinh học (CTTT)			A26	
14	DA3	4050	22/08/2023	B1804021	Hứa Kim Giàu	N	DA1866T1	Công nghệ sinh học (CTTT)			B2	
15	DA2	2598	12/06/2023	B1804022	Võ Thiện Hào		DA1866T1	Công nghệ sinh học (CTTT)			B4	
16	DA2	2598	12/06/2023	B1803885	Cù Nguyễn Bích Vy	N	DA1866T1	Công nghệ sinh học (CTTT)			B6	
17	DA2	2598	12/06/2023	B1804045	Dương Kiều Trinh	N	DA1866T1	Công nghệ sinh học (CTTT)			B8	
18	DA1	28	06/01/2023	B1809021	Hồ Mỹ Huyền	N	DA1866T1	Công nghệ sinh học (CTTT)			B10	
19	DA1L2	1150	27/03/2023	B1805603	Trần Võ Minh Thư	N	DA1866T1	Công nghệ sinh học (CTTT)			B12	
20	DA2	2598	12/06/2023	B1804044	Lưu Trung Tín		DA1866T1	Công nghệ sinh học (CTTT)			B14	
21	DA1	28	06/01/2023	B1804019	Bùi Thị Ngọc Bích	N	DA1866T1	Công nghệ sinh học (CTTT)			B16	
22	DA1	28	06/01/2023	B1804020	Hồ Trần Hải Đăng	N	DA1866T1	Công nghệ sinh học (CTTT)			B18	
23	DA1	28	06/01/2023	B1804025	Trần Minh Hiền		DA1866T1	Công nghệ sinh học (CTTT)			B20	
24	DA2	2598	12/06/2023	B1803936	Trần Huế Mơ	N	DA1866T1	Công nghệ sinh học (CTTT)			B22	
25	DA3	4050	22/08/2023	B1809835	Hà Minh Trí		DA1866T1	Công nghệ sinh học (CTTT)			B24	
26	DA2	2598	12/06/2023	B1805581	Phù Gia Linh	N	DA1866T1	Công nghệ sinh học (CTTT)			B26	
27	DA1	28	06/01/2023	B1804048	Lê Phương Vy	N	DA1866T1	Công nghệ sinh học (CTTT)			B28	
28	DA2	2598	12/06/2023	B1804026	Châu Hữu Hưng		DA1866T1	Công nghệ sinh học (CTTT)			B30	
29	DA3	4050	22/08/2023	B1804027	Dương Thị Thanh Hương	N	DA1866T1	Công nghệ sinh học (CTTT)			B32	

TT	Đợt TN	QĐ	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Nữ	Mã Lớp	Tên ngành	Xếp loại KT	Giấy khen	Số Ghế	Ghi chú
30	DA2	2598	12/06/2023	B1605068	La Hoàng Bảo		DA1666T1	Công nghệ sinh học (CTTT)			B34	
					CNSH-CTTT: 30							
31	DA1L2	1150	27/03/2023	B1800604	Nguyễn Lê Thanh Cao		NN1808F1	Công nghệ thực phẩm (CLC)	Giỏi	TK	C2	Lên SK
32	DA1L2	1150	27/03/2023	B1812534	Phạm Duy Sang		NN1808F1	Công nghệ thực phẩm (CLC)	Giỏi	x	C4	
33	DA1L2	1150	27/03/2023	B1811451	Nguyễn Lê Thanh Bạch		NN1808F1	Công nghệ thực phẩm (CLC)	Giỏi	x	C6	
34	DA1L2	1150	27/03/2023	B1808096	Nguyễn Quế Anh	N	NN1808F1	Công nghệ thực phẩm (CLC)	Giỏi	x	C8	
35	DA3	4050	22/08/2023	B1800384	Đỗ Thị Anh Thư	N	NN1808F1	Công nghệ thực phẩm (CLC)			C10	
36	DA3	4050	22/08/2023	B1806186	Lê Thị Hồng Phượng	N	NN1808F1	Công nghệ thực phẩm (CLC)			C12	
37	DA1L2	1150	27/03/2023	B1812535	Nguyễn Minh Thịnh		NN1808F1	Công nghệ thực phẩm (CLC)			C14	
38	DA3	4050	22/08/2023	B1800607	Phan Ngọc Hân	N	NN1808F1	Công nghệ thực phẩm (CLC)			C16	
39	DA1L2	1150	27/03/2023	B1800608	Đoàn Ngọc Thạch Kỳ	N	NN1808F1	Công nghệ thực phẩm (CLC)			C18	
40	DA3	4050	22/08/2023	B1800414	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	N	NN1808F1	Công nghệ thực phẩm (CLC)			C20	
41	DA3	4050	22/08/2023	B1812528	Nguyễn Kiều Lãm	N	NN1808F1	Công nghệ thực phẩm (CLC)			C22	
42	DA3	4050	22/08/2023	B1800276	Nguyễn Phương Duy	N	NN1808F1	Công nghệ thực phẩm (CLC)			C24	
43	DA3	4050	22/08/2023	B1800270	Đinh Gia Cường		NN1808F1	Công nghệ thực phẩm (CLC)			C26	
44	DA3	4050	22/08/2023	B1800609	Lê Nguyễn Bảo Ngọc	N	NN1808F1	Công nghệ thực phẩm (CLC)			D2	
45	DA3	4050	22/08/2023	B1807499	Phan Minh Trọng		NN1808F1	Công nghệ thực phẩm (CLC)			D4	
46	DA3	4050	22/08/2023	B1800612	Trang Thị Hoàng Quyên	N	NN1808F1	Công nghệ thực phẩm (CLC)			D6	
47	DA3	4050	22/08/2023	B1812761	Võ Phạm Ngọc Hà	N	NN1808F1	Công nghệ thực phẩm (CLC)			D8	
48	DA3	4050	22/08/2023	B1800610	Trần Thụy Bảo Nhi	N	NN1808F1	Công nghệ thực phẩm (CLC)			D10	
49	DA3	4050	22/08/2023	B1800617	Nguyễn Quế Trân	N	NN1808F1	Công nghệ thực phẩm (CLC)			D12	
50	DA3	4050	22/08/2023	B1812531	Nguyễn Huỳnh Mẫn Nhi	N	NN1808F1	Công nghệ thực phẩm (CLC)			D14	
51	DA3	4050	22/08/2023	B1812559	Nguyễn Phong Chi Hương	N	NN1808F1	Công nghệ thực phẩm (CLC)			D16	
52	DA3	4050	22/08/2023	B1803023	Nguyễn Thị Hoàng Vy	N	NN1808F1	Công nghệ thực phẩm (CLC)			D18	
53	DA3	4050	22/08/2023	B1800605	Nguyễn Thanh Duy		NN1808F1	Công nghệ thực phẩm (CLC)			D20	
					CNTP-CLC: 23							
54	DA1	28	06/01/2023	B1904200	Nguyễn Thành Bi		DA1966A1	Công nghệ sinh học	XS	x	E2	Lên SK
55	DA1	28	06/01/2023	B1904273	Nguyễn Thị Phương Linh	N	DA1966A1	Công nghệ sinh học	XS	x	E4	Lên SK
56	DA2	2598	12/06/2023	B1904462	Huỳnh Tiến Đạt		DA1966A2	Công nghệ sinh học	XS	x	E6	Lên SK
57	DA1	28	06/01/2023	B1904516	Nguyễn Ngọc Phương Loan	N	DA1966A2	Công nghệ sinh học	XS	x	E8	Lên SK
58	DA1	28	06/01/2023	B1904300	Nguyễn Thị Kim Ngân	N	DA1966A3	Công nghệ sinh học	XS	x	E10	Lên SK

TT	Đợt TN	QĐ	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Nữ	Mã Lớp	Tên ngành	Xếp loại KT	Giấy khen	Số Ghế	Ghi chú
59	DA2	2598	12/06/2023	B1904547	Trần Thị Bé Ngoan	N	DA1966A4	Công nghệ sinh học	XS	x	E12	Lên SK
60	DA1	28	06/01/2023	B1904404	Trần Thị Bảo Trân	N	DA1966A5	Công nghệ sinh học	XS	x	E14	Lên SK
61	DA2	2598	12/06/2023	B1904415	Nguyễn Thị Cẩm Tú	N	DA1966A5	Công nghệ sinh học	XS	x	E16	Lên SK
62	DA2	2598	12/06/2023	B1904490	Võ Văn Huy		DA1966A2	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	E18	
63	DA2	2598	12/06/2023	B1904294	Nguyễn Tô Hoài Nam		DA1966A3	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	E20	
64	DA2	2598	12/06/2023	B1904228	Hồ Thị Kiều Đoàn	N	DA1966A1	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	E22	
65	DA1	28	06/01/2023	B1904202	Nguyễn Hữu Cảnh		DA1966A1	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	E24	
66	DA2	2598	12/06/2023	B1904208	Trần Thị Kim Cương	N	DA1966A1	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	E26	
67	DA1	28	06/01/2023	B1904251	Trần Cẩm Huỳnh	N	DA1966A1	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	E28	
68	DA2	2598	12/06/2023	B1904189	Lâm Trường An		DA1966A1	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	E30	
69	DA2	2598	12/06/2023	B1904256	Đặng Quang Khang		DA1966A1	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	E32	
70	DA2	2598	12/06/2023	B1904268	Bào Trúc Lam	N	DA1966A1	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	E34	
71	DA2	2598	12/06/2023	B1904279	Nguyễn Ngọc Luyến	N	DA1966A1	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	E36	
72	DA2	2598	12/06/2023	B1904237	Lê Thị Ngọc Hân	N	DA1966A1	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	E38	
73	DA1	28	06/01/2023	B1904214	Nguyễn Thị Thúy Duy	N	DA1966A1	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	E40	
74	DA1	28	06/01/2023	B1904217	Bùi Thị Thùy Dương	N	DA1966A1	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	F2	
75	DA1	28	06/01/2023	B1904250	Trần Thị Mỹ Huyền	N	DA1966A1	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	F4	
76	DA2	2598	12/06/2023	B1904213	Huỳnh Thị Thúy Duy	N	DA1966A1	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	F6	
77	DA2	2598	12/06/2023	B1904216	Thái Dương Ngọc Duyên	N	DA1966A1	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	F8	
78	DA2	2598	12/06/2023	B1904253	Phạm Hồng Hương	N	DA1966A1	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	F10	
79	DA2	2598	12/06/2023	B1904233	Nguyễn Nhật Hào		DA1966A1	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	F12	
80	DA2	2598	12/06/2023	B1904277	Tạ Lý Gia Lộc		DA1966A1	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	F14	
81	DA2	2598	12/06/2023	B1904239	Lê Phúc Hậu		DA1966A1	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	F16	
82	DA2	2598	12/06/2023	B1904282	Phạm Trần Tuyết Mai	N	DA1966A1	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	F18	
83	DA2	2598	12/06/2023	B1904274	Nguyễn Thùy Linh	N	DA1966A1	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	F20	
84	DA3	4050	22/08/2023	B1904195	Trần Thị Phương Anh	N	DA1966A1	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	F22	
85	DA2	2598	12/06/2023	B1904232	Nhan Thị Ngọc Hà	N	DA1966A1	Công nghệ sinh học			F24	
86	DA2	2598	12/06/2023	B1904242	Kiến Văn Hiếu		DA1966A1	Công nghệ sinh học			F26	
87	DA3	4050	22/08/2023	B1904264	Nguyễn Thị Ngọc Khoa	N	DA1966A1	Công nghệ sinh học			F28	
88	DA3	4050	22/08/2023	B1904196	Nguyễn Mai Nguyệt Ánh	N	DA1966A1	Công nghệ sinh học			F30	
89	DA1L2	1150	27/03/2023	B1904231	Nguyễn Văn Hà		DA1966A1	Công nghệ sinh học			F32	

TT	Đợt TN	QĐ	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Nữ	Mã Lớp	Tên ngành	Xếp loại KT	Giấy khen	Số Ghế	Ghi chú
90	DA1	28	06/01/2023	B1904199	Nguyễn Chí Bảo		DA1966A1	Công nghệ sinh học			F34	
91	DA2	2598	12/06/2023	B1904259	Lê Duy Khánh		DA1966A1	Công nghệ sinh học			F36	
92	DA3	4050	22/08/2023	B1904226	Thái Hoàng Đăng		DA1966A1	Công nghệ sinh học			F38	
93	DA2	2598	12/06/2023	B1904212	Huỳnh Thị Mỹ Duyên	N	DA1966A1	Công nghệ sinh học			F40	
94	DA1	28	06/01/2023	B1904207	Lê Chí Công		DA1966A1	Công nghệ sinh học			G2	
95	DA3	4050	22/08/2023	B1904278	Trần Ngọc Lợi		DA1966A1	Công nghệ sinh học			G4	
96	DA2	2598	12/06/2023	B1904267	Nguyễn Thị Thúy Kiều	N	DA1966A1	Công nghệ sinh học			G6	
97	DA2	2598	12/06/2023	B1904262	Đoàn Trọng Khải		DA1966A1	Công nghệ sinh học			G8	
98	DA1	28	06/01/2023	B1904458	Lê Hải Dương		DA1966A2	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	G10	
99	DA1	28	06/01/2023	B1904447	Nguyễn Thị Chúc	N	DA1966A2	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	G12	
100	DA2	2598	12/06/2023	B1904481	Nguyễn Thúy Hằng	N	DA1966A2	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	G14	
101	DA2	2598	12/06/2023	B1904507	Huỳnh Thị Ngọc Kiều	N	DA1966A2	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	G16	
102	DA2	2598	12/06/2023	B1904501	Thái Quốc Khánh		DA1966A2	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	G18	
103	DA1	28	06/01/2023	B1904491	Nguyễn Thị Như Huỳnh	N	DA1966A2	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	G20	
104	DA1	28	06/01/2023	B1904469	Phan Tâm Đoàn	N	DA1966A2	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	G22	
105	DA2	2598	12/06/2023	B1904487	Nguyễn Vĩnh Hoàng	N	DA1966A2	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	G24	
106	DA1	28	06/01/2023	B1904496	Trần Quốc Kha		DA1966A2	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	G26	
107	DA2	2598	12/06/2023	B1904432	Đoàn Kiều Anh	N	DA1966A2	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	G28	
108	DA1	28	06/01/2023	B1904502	Đặng Quốc Khải		DA1966A2	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	G30	
109	DA1	2598	12/06/2023	B1904498	Trần Duy Khang		DA1966A2	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	G32	
110	DA2	2598	12/06/2023	B1904457	Lê Văn Dư		DA1966A2	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	G34	
111	DA2	2598	12/06/2023	B1904431	Trần Thị Thu An	N	DA1966A2	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	G36	
112	DA2	2598	12/06/2023	B1904446	Nguyễn Thị Ngọc Châu	N	DA1966A2	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	G38	
113	DA2	2598	12/06/2023	B1904511	Cao Thị Thùy Linh	N	DA1966A2	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	G40	
114	DA3	4050	22/08/2023	B1904494	Trương Thị Thu Hương	N	DA1966A2	Công nghệ sinh học			H2	
115	DA3	4050	22/08/2023	B1904465	Trần Tiến Đạt		DA1966A2	Công nghệ sinh học			H4	
116	DA2	2598	12/06/2023	B1904510	Nguyễn Thị Thanh Lan	N	DA1966A2	Công nghệ sinh học			H6	
117	DA2	2598	12/06/2023	B1904471	Trần Thị Ngọc Giàu	N	DA1966A2	Công nghệ sinh học			H8	
118	DA2	2598	12/06/2023	B1904521	Phan Thanh Lưu		DA1966A2	Công nghệ sinh học			H10	
119	DA2	2598	12/06/2023	B1904464	Nguyễn Lê Tấn Đạt		DA1966A2	Công nghệ sinh học			H12	
120	DA2	2598	12/06/2023	B1904500	Ngô Quốc Khánh		DA1966A2	Công nghệ sinh học			H14	

TT	Đợt TN	QĐ	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Nữ	Mã Lớp	Tên ngành	Xếp loại KT	Giấy khen	Số Ghế	Ghi chú
121	DA3	4050	22/08/2023	B1904519	Nguyễn Hữu Luân		DA1966A2	Công nghệ sinh học			H16	
122	DA3	4050	22/08/2023	B1904454	Lê Anh Duy		DA1966A2	Công nghệ sinh học			H18	
123	DA2	2598	12/06/2023	B1904440	Nguyễn Khánh Bằng	N	DA1966A2	Công nghệ sinh học			H20	
124	DA2	2598	12/06/2023	B1900144	Trần Tuấn Kiệt		DA1966A2	Công nghệ sinh học			H22	
125	DA3	4050	22/08/2023	B1904515	Trần Thị Cẩm Linh	N	DA1966A2	Công nghệ sinh học			H24	
126	DA2	2598	12/06/2023	B1904509	Ngô Thùy Lam	N	DA1966A2	Công nghệ sinh học			H26	
127	DA3	4050	22/08/2023	B1904520	Nguyễn Thị Lụa	N	DA1966A2	Công nghệ sinh học			H28	
128	DA3	4050	22/08/2023	B1904478	Nguyễn Thị Ngọc Hân	N	DA1966A2	Công nghệ sinh học			H30	
129	DA1	28	06/01/2023	B1904320	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	N	DA1966A3	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	H32	
130	DA2	2598	12/06/2023	B1904347	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	N	DA1966A3	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	H34	
131	DA2	2598	12/06/2023	B1904304	Tô Thiện Kim Ngân	N	DA1966A3	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	H36	
132	DA2	2598	12/06/2023	B1904351	Nguyễn Văn Hồng Sơn		DA1966A3	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	H38	
133	DA2	2598	12/06/2023	B1904301	Nguyễn Thị Mỹ Ngân	N	DA1966A3	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	H40	
134	DA1	28	06/01/2023	B1904315	Thạch Hồng Ngự		DA1966A3	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	I2	
135	DA1	28	06/01/2023	B1904325	Huỳnh Hằng Như	N	DA1966A3	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	I4	
136	DA2	2598	12/06/2023	B1904295	Trần Thị Nga	N	DA1966A3	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	I6	
137	DA2	2598	12/06/2023	B1904366	Ngô Hồng Thi	N	DA1966A3	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	I8	
138	DA2	2598	12/06/2023	B1904302	Nguyễn Thị Kim Ngân	N	DA1966A3	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	I10	
139	DA1	28	06/01/2023	B1904364	Lâm Dương Hồng Thắm	N	DA1966A3	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	I12	
140	DA2	2598	12/06/2023	B1904361	Phạm Thị Bích Thảo	N	DA1966A3	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	I14	
141	DA2	2598	12/06/2023	B1904359	Tưởng Cẩm Thái		DA1966A3	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	I16	
142	DA2	2598	12/06/2023	B1904348	Trần Thị Nguyệt Rạng	N	DA1966A3	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	I18	
143	DA1	28	06/01/2023	B1904331	Dương Hồng Phất	N	DA1966A3	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	I20	
144	DA2	2598	12/06/2023	B1904307	Lê Hồng Ngọc	N	DA1966A3	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	I22	
145	DA1	28	06/01/2023	B1904314	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	N	DA1966A3	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	I24	
146	DA2	2598	12/06/2023	B1904341	Lại Phú Quý		DA1966A3	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	I26	
147	DA3	4050	22/08/2023	B1904350	Quách Hoàng Sang		DA1966A3	Công nghệ sinh học			I28	
148	DA3	4050	22/08/2023	B1904316	Võ Hoàng Nhân		DA1966A3	Công nghệ sinh học			I30	
149	DA1	28	06/01/2023	B1904357	Trương Ngọc Thanh		DA1966A3	Công nghệ sinh học			I32	
150	DA2	2598	12/06/2023	B1904379	Ngũ Thị Minh Thư	N	DA1966A3	Công nghệ sinh học			I34	
151	DA2	2598	12/06/2023	B1904333	Ngô Trọng Phúc		DA1966A3	Công nghệ sinh học			I36	

TT	Đợt TN	QĐ	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Nữ	Mã Lớp	Tên ngành	Xếp loại KT	Giấy khen	Số Ghế	Ghi chú
152	DA1L2	1150	27/03/2023	B1904317	Dương Mỹ Nhi	N	DA1966A3	Công nghệ sinh học			I38	
153	DA3	4050	22/08/2023	B1904322	Đinh Bích Nhiên	N	DA1966A3	Công nghệ sinh học			I40	
154	DA3	4050	22/08/2023	B1904377	Nguyễn Huỳnh Anh Thư	N	DA1966A3	Công nghệ sinh học			K2	
155	DA2	2598	12/06/2023	B1904383	Ngô Lý Mỹ Tiên	N	DA1966A3	Công nghệ sinh học			K4	
156	DA3	4050	22/08/2023	B1904343	Ca Nguyễn Phương Quyên	N	DA1966A3	Công nghệ sinh học			K6	
157	DA3	4050	22/08/2023	B1904337	Trịnh Nhả Phương	N	DA1966A3	Công nghệ sinh học			K8	
158	DA2	2598	12/06/2023	B1904363	Nguyễn Ngọc Thẩm		DA1966A3	Công nghệ sinh học			K10	
159	DA3	4050	22/08/2023	B1904310	Nguyễn Bích Ngọc	N	DA1966A3	Công nghệ sinh học			K12	
160	DA3	4050	22/08/2023	B1904346	Cao Nguyễn Thúy Quỳnh	N	DA1966A3	Công nghệ sinh học			K14	
161	DA3	4050	22/08/2023	B1904308	Lê Yến Ngọc	N	DA1966A3	Công nghệ sinh học			K16	
162	DA2	2598	12/06/2023	B1904381	Trần Quách Hoàng Thương	N	DA1966A3	Công nghệ sinh học			K18	
163	DA2	2598	12/06/2023	B1904373	Trần Bích Thùy	N	DA1966A3	Công nghệ sinh học			K20	
164	DA3	4050	22/08/2023	B1904336	Lê Thị Mỹ Phương	N	DA1966A3	Công nghệ sinh học			K22	
165	DA3	4050	22/08/2023	B1904329	Thạch Thị Hoàng Oanh	N	DA1966A3	Công nghệ sinh học			K24	
166	DA3	4050	22/08/2023	B1904376	Nguyễn Thị Minh Thư	N	DA1966A3	Công nghệ sinh học			K26	
167	DA2	2598	12/06/2023	B1904353	Quách Trần Thiên Tâm		DA1966A3	Công nghệ sinh học			K28	
168	DA3	4050	22/08/2023	B1904330	Lâm Xuân Phát		DA1966A3	Công nghệ sinh học			K30	
169	DA2	2598	12/06/2023	B1904332	Giang Tuấn Phong		DA1966A3	Công nghệ sinh học			K32	
170	DA2	2598	12/06/2023	B1904551	Nguyễn Lê Kim Ngọc	N	DA1966A4	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	K34	
171	DA2	2598	12/06/2023	B1904557	Chiêm Tuyết Nhi	N	DA1966A4	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	K36	
172	DA2	2598	12/06/2023	B1904606	Đỗ Hồng Ngọc Thi	N	DA1966A4	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	K38	
173	DA2	2598	12/06/2023	B1904594	Châu Nhật Tân		DA1966A4	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	K40	
174	DA1L2	1150	27/03/2023	B1904553	Lý Trọng Nguyên		DA1966A4	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	L2	
175	DA2	2598	12/06/2023	B1904601	Mai Thanh Thảo	N	DA1966A4	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	L4	
176	DA2	2598	12/06/2023	B1904538	La Thị Kim Ngân	N	DA1966A4	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	L6	
177	DA2	2598	12/06/2023	B1904599	Kim Hồng Thái		DA1966A4	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	L8	
178	DA2	2598	12/06/2023	B1904562	Phạm Thị Phước Nhi	N	DA1966A4	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	L10	
179	DA2	2598	12/06/2023	B1904588	Nguyễn Bá Quỳnh		DA1966A4	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	L12	
180	DA2	2598	12/06/2023	B1904545	Trần Thị Kim Ngân	N	DA1966A4	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	L14	
181	DA2	2598	12/06/2023	B1904535	Nguyễn Thị Thúy Nga	N	DA1966A4	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	L16	
182	DA3	4050	22/08/2023	B1904563	Lương Thị Hồng Nhiên	N	DA1966A4	Công nghệ sinh học			L18	

TT	Đợt TN	QĐ	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Nữ	Mã Lớp	Tên ngành	Xếp loại KT	Giấy khen	Số Ghế	Ghi chú
183	DA3	4050	22/08/2023	B1904569	Lưu Thị Mỹ Oanh	N	DA1966A4	Công nghệ sinh học			L20	
184	DA3	4050	22/08/2023	B1904603	Trương Ngọc Thảo	N	DA1966A4	Công nghệ sinh học			L22	
185	DA3	4050	22/08/2023	B1904578	Nguyễn Thị Minh Phước	N	DA1966A4	Công nghệ sinh học			L24	
186	DA3	4050	22/08/2023	B1904565	Lê Thị Cẩm Nhung	N	DA1966A4	Công nghệ sinh học			L26	
187	DA3	4050	22/08/2023	B1904593	Trần Đức Tài		DA1966A4	Công nghệ sinh học			L28	
188	DA3	4050	22/08/2023	B1904550	Nguyễn Huỳnh Minh Ngọc	N	DA1966A4	Công nghệ sinh học			L30	
189	DA3	4050	22/08/2023	B1904598	Đoàn Quốc Thái		DA1966A4	Công nghệ sinh học			L32	
190	DA3	4050	22/08/2023	B1904583	Bùi Ngọc Quyên	N	DA1966A4	Công nghệ sinh học			L34	
191	DA2	2598	12/06/2023	B1904556	Nguyễn Thị Trang Nhã	N	DA1966A4	Công nghệ sinh học			L36	
192	DA3	4050	22/08/2023	B1904552	Trần Nguyễn Kim Ngọc	N	DA1966A4	Công nghệ sinh học			L38	
193	DA3	4050	22/08/2023	B1904536	Nguyễn Thị Diệu Nga	N	DA1966A4	Công nghệ sinh học			L40	
194	DA2	2598	12/06/2023	B1904541	Nguyễn Thị Kim Ngân	N	DA1966A4	Công nghệ sinh học			M2	
195	DA3	4050	22/08/2023	B1904609	Danh Trương Thọ		DA1966A4	Công nghệ sinh học			M4	
196	DA3	4050	22/08/2023	B1904534	Trần Thị Kim Mỹ	N	DA1966A4	Công nghệ sinh học			M6	
197	DA3	4050	22/08/2023	B1904559	Lê Thị Yến Nhi	N	DA1966A4	Công nghệ sinh học			M8	
198	DA3	4050	22/08/2023	B1904573	Huỳnh Vĩnh Phú		DA1966A4	Công nghệ sinh học			M10	
199	DA3	4050	22/08/2023	B1904523	Trần Lê Xuân Mai	N	DA1966A4	Công nghệ sinh học			M12	
200	DA2	2598	12/06/2023	B1904527	Bùi Yến My	N	DA1966A4	Công nghệ sinh học			M14	
201	DA2	2598	12/06/2023	B1904542	Nguyễn Trang Bảo Ngân	N	DA1966A4	Công nghệ sinh học			M16	
202	DA3	4050	22/08/2023	B1904543	Phan Kim Ngân	N	DA1966A4	Công nghệ sinh học			M18	
203	DA2	2598	12/06/2023	B1904528	Đồng Thị Tiểu My	N	DA1966A4	Công nghệ sinh học			M20	
204	DA3	4050	22/08/2023	B1904590	Phạm Ngọc Diệu Sang	N	DA1966A4	Công nghệ sinh học			M22	
205	DA3	4050	22/08/2023	B1904558	Đặng Thảo Nhi	N	DA1966A4	Công nghệ sinh học			M24	
206	DA2	2598	12/06/2023	B1904537	Hoàng Bảo Ngân	N	DA1966A4	Công nghệ sinh học			M26	
207	DA2	2598	12/06/2023	B1904410	Nguyễn Thị Thanh Trúc	N	DA1966A5	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	M28	
208	DA2	2598	12/06/2023	B1904630	Trần Quyết Tiến		DA1966A5	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	M30	
209	DA2	2598	12/06/2023	B1904655	Huỳnh Thị Cẩm Tú	N	DA1966A5	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	M32	
210	DA2	2598	12/06/2023	B1904654	Trần Thị Ngọc Tuyền	N	DA1966A5	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	M34	
211	DA2	2598	12/06/2023	B1904625	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	N	DA1966A5	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	M36	
212	DA2	2598	12/06/2023	B1904427	Văn Thị Mỹ Xuyên	N	DA1966A5	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	M38	
213	DA2	2598	12/06/2023	B1904616	Nguyễn Ngọc Minh Thư	N	DA1966A5	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	M40	

TT	Đợt TN	QĐ	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Nữ	Mã Lớp	Tên ngành	Xếp loại KT	Giấy khen	Số Ghế	Ghi chú
214	DA2	2598	12/06/2023	B1904644	Trần Phan Thị Ngọc Trân	N	DA1966A5	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	N2	
215	DA2	2598	12/06/2023	B1904414	Trương Thị Tuyền	N	DA1966A5	Công nghệ sinh học	Giỏi	x	N4	
216	DA3	4050	22/08/2023	B1904399	Huỳnh Thị Ngọc Trâm	N	DA1966A5	Công nghệ sinh học			N6	
217	DA3	4050	22/08/2023	B1904385	Nguyễn Phan Triều Tiên	N	DA1966A5	Công nghệ sinh học			N8	
218	DA3	4050	22/08/2023	B1904636	Huỳnh Nguyễn Diễm Trang	N	DA1966A5	Công nghệ sinh học			N10	
219	DA3	4050	22/08/2023	B1904635	Nguyễn Chí Toàn		DA1966A5	Công nghệ sinh học			N12	
220	DA3	4050	22/08/2023	B1904409	Lê Huỳnh Kim Trọng		DA1966A5	Công nghệ sinh học			N14	
221	DA3	4050	22/08/2023	B1904418	Thạch Thảo Vân	N	DA1966A5	Công nghệ sinh học			N16	
222	DA3	4050	22/08/2023	B1904423	Ngô Phạm Nhật Vy	N	DA1966A5	Công nghệ sinh học			N18	
223	DA2	2598	12/06/2023	B1904629	Hồ Nhựt Tiến		DA1966A5	Công nghệ sinh học			N20	
224	DA3	4050	22/08/2023	B1904384	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	N	DA1966A5	Công nghệ sinh học			N22	
225	DA2	2598	12/06/2023	B1904619	Nguyễn Thị Trâm Thư	N	DA1966A5	Công nghệ sinh học			N24	
226	DA2	2598	12/06/2023	B1904390	Trịnh Tấn Tiến		DA1966A5	Công nghệ sinh học			N26	
227	DA2	2598	12/06/2023	B1904618	Nguyễn Phạm Anh Thư	N	DA1966A5	Công nghệ sinh học			N28	
228	DA3	4050	22/08/2023	B1904661	Phan Chí Vĩnh		DA1966A5	Công nghệ sinh học			N30	
229	DA3	4050	22/08/2023	B1904664	Nguyễn Ngọc Tường Vy	N	DA1966A5	Công nghệ sinh học			N32	
230	DA2	2598	12/06/2023	B1904633	Nguyễn Hữu Tính		DA1966A5	Công nghệ sinh học			N34	
231	DA2	2598	12/06/2023	B1904419	Nguyễn Ngọc Viễn		DA1966A5	Công nghệ sinh học			N36	
232	DA3	4050	22/08/2023	B1904424	Nguyễn Ngọc Tường Vy	N	DA1966A5	Công nghệ sinh học			N38	
233	DA2	2598	12/06/2023	B1904659	Nguyễn Thị Tường Vi	N	DA1966A5	Công nghệ sinh học			N40	
234	DA3	4050	22/08/2023	B1804013	Nguyễn Tường Vi	N	DA1866A3	Công nghệ sinh học			O2	
235	DA3	4050	22/08/2023	B1803786	Trương Minh Hoàng		DA1866A3	Công nghệ sinh học			O4	
236	DA1	28	06/01/2023	B1803960	Đoàn Minh Nhựt		DA1866A2	Công nghệ sinh học			O6	
237	DA2	2598	12/06/2023	B1804012	Trần Nguyễn Thảo Vân	N	DA1866A2	Công nghệ sinh học			O8	
238			Bổ sung 2022	B1803887	Phan Kim Yến	N	DA1866A1	Công nghệ sinh học			O10	
239			Bổ sung 2022	B1804000	Nguyễn Lê Tố Trân	N	DA1866A2	Công nghệ sinh học			O12	
240			Bổ sung 2022	B1804008	Võ Tuyền Tuyền	N	DA1866A2	Công nghệ sinh học			O14	
241	DA2	2598	12/06/2023	B1805584	Võ Thanh Mỹ		DA18Y3A1	Sinh học (Vi sinh vật học)			O16	
					CNSH: 188							
242	DA3	4050	22/08/2023	B1908730	Võ Thị Ngọc Liễu	N	NN19U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	Giỏi	TK	E1	Lên SK
243	DA3	4050	22/08/2023	B1908765	Bùi Thị Loan	N	NN19U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	XS	x	E3	Lên SK

TT	Đợt TN	QĐ	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Nữ	Mã Lớp	Tên ngành	Xếp loại KT	Giấy khen	Số Ghế	Ghi chú
244	DA3	4050	22/08/2023	B1908727	Hồng Văn Háo		NN19U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	XS	x	E5	Lên SK
245	DA3	4050	22/08/2023	B1908746	Võ Kim Thy	N	NN19U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	Giỏi	x	E7	
246	DA3	4050	22/08/2023	B1908723	Châu Văn Đan		NN19U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	Giỏi	x	E9	
247	DA3	4050	22/08/2023	B1908753	Trình Thị Chúc	N	NN19U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	Giỏi	x	E11	
248	DA2	2598	12/06/2023	B1908743	Nguyễn Lê Thuận Thiên	N	NN19U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	Giỏi	x	E13	
249	DA3	4050	22/08/2023	B1908766	Phượng Thảo Mi	N	NN19U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	Giỏi	x	E15	
250	DA3	4050	22/08/2023	B1908758	Nguyễn Bình Đăng		NN19U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	Giỏi	x	E17	
251	DA3	4050	22/08/2023	B1908731	Trương Minh Liên		NN19U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	Giỏi	x	E19	
252	DA3	4050	22/08/2023	B1908762	Tô Thị Cẩm Huỳnh	N	NN19U5A1	Công nghệ sau thu hoạch			E21	
253	DA3	4050	22/08/2023	B1908774	Trần Linh Phương	N	NN19U5A1	Công nghệ sau thu hoạch			E23	
254	DA3	4050	22/08/2023	B1908729	Hồ Thị Xuân Hương	N	NN19U5A1	Công nghệ sau thu hoạch			E25	
255	DA3	4050	22/08/2023	B1908759	Trần Thị Mai Đoan	N	NN19U5A1	Công nghệ sau thu hoạch			E27	
256	DA3	4050	22/08/2023	B1908751	Nguyễn Huỳnh Minh An	N	NN19U5A1	Công nghệ sau thu hoạch			E29	
257	DA3	4050	22/08/2023	B1908721	Trần Ngọc Doanh	N	NN19U5A1	Công nghệ sau thu hoạch			E31	
258	DA3	4050	22/08/2023	B1908717	Nguyễn Thị Trường An	N	NN19U5A1	Công nghệ sau thu hoạch			E33	
259	DA3	4050	22/08/2023	B1908739	Ngô Hà Như	N	NN19U5A1	Công nghệ sau thu hoạch			E35	
260	DA3	4050	22/08/2023	B1908771	Võ Thị Minh Nhi	N	NN19U5A1	Công nghệ sau thu hoạch			E37	
261	DA1	28	06/01/2023	B1812759	Lại Phan Tuyết Hoa	N	NN18U5A1	Công nghệ sau thu hoạch			E39	
262	DA3	4050	22/08/2023	B1808065	Nguyễn Thảo Ngọc	N	NN18U5A1	Công nghệ sau thu hoạch			E41	
263	DA3	4050	22/08/2023	B1808105	Nguyễn Khánh Huy		NN18U5A1	Công nghệ sau thu hoạch			E43	
					CNSTH: 22							
264	DA3	4050	22/08/2023	B1900583	Hồ Chí Thanh		NN1908A4	Công nghệ thực phẩm	XS	TK	F1	Lên SK
265	DA3	4050	22/08/2023	B1900486	Lê Yến Linh	N	NN1908A3	Công nghệ thực phẩm	XS	x	F3	Lên SK
266	DA3	4050	22/08/2023	B1900570	Khuất Thị Lệ Quyên	N	NN1908A4	Công nghệ thực phẩm	XS	x	F5	Lên SK
267	DA3	4050	22/08/2023	B1900572	Trần Kim Quyển	N	NN1908A4	Công nghệ thực phẩm	XS	x	F7	Lên SK
268	DA2	2598	12/06/2023	B1900660	Võ Thị Hồng Xuyên	N	NN1908A5	Công nghệ thực phẩm	XS	x	F9	Lên SK
269	DA3	4050	22/08/2023	B1900659	Nguyễn Thị Thanh Xuân	N	NN1908A5	Công nghệ thực phẩm	XS	x	F11	Lên SK
270	DA3	4050	22/08/2023	B1900729	Trần Thị Cẩm Hồng	N	NN1908A6	Công nghệ thực phẩm	XS	x	F13	Lên SK
271	DA3	4050	22/08/2023	B1900849	Phan Tấn Tài		NN1908A7	Công nghệ thực phẩm	XS	x	F15	Lên SK
272	DA3	4050	22/08/2023	B1900881	Nguyễn Thị Hoài Thương	N	NN1908A8	Công nghệ thực phẩm	XS	x	F17	Lên SK
273	DA3	4050	22/08/2023	B1900416	Phạm Thị Hồng Cẩm	N	NN1908A1	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	F19	

TT	Đợt TN	QĐ	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Nữ	Mã Lớp	Tên ngành	Xếp loại KT	Giấy khen	Số Ghế	Ghi chú
274	DA3	4050	22/08/2023	B1900415	Âu Tiểu Cầm	N	NN1908A1	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	F21	
275	DA3	4050	22/08/2023	B1900436	Nguyễn Thị Trúc Đào	N	NN1908A1	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	F23	
276	DA3	4050	22/08/2023	B1900411	Nguyễn Huỳnh Quốc Bảo		NN1908A1	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	F25	
277	DA3	4050	22/08/2023	B1900405	Quách Thị Vân Anh	N	NN1908A1	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	F27	
278	DA3	4050	22/08/2023	B1900431	Nguyễn Thị Kiều Duyên	N	NN1908A1	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	F29	
279	DA3	4050	22/08/2023	B1900418	Danh Thị Kim Chi	N	NN1908A1	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	F31	
280	DA3	4050	22/08/2023	B1900420	Nguyễn Thị Kim Cương	N	NN1908A1	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	F33	
281	DA3	4050	22/08/2023	B1900417	Mai Thị Thái Châu	N	NN1908A1	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	F35	
282	DA2	2598	12/06/2023	B1900446	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	N	NN1908A1	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	F37	
283	DA3	4050	22/08/2023	B1900412	Trần Kim Bảo	N	NN1908A1	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	F39	
284	DA3	4050	22/08/2023	B1900434	Nguyễn Văn Dương		NN1908A1	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	G1	
285	DA3	4050	22/08/2023	B1900410	Trần Như Ảnh	N	NN1908A1	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	G3	
286	DA3	4050	22/08/2023	B1900440	Lê Minh Đô		NN1908A1	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	G5	
287	DA3	4050	22/08/2023	B1900458	Nguyễn Thị Mỹ Hoàng	N	NN1908A1	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	G7	
288	DA3	4050	22/08/2023	B1900426	Bùi Thị Tường Duy	N	NN1908A1	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	G9	
289	DA3	4050	22/08/2023	B1900451	Trương Ngọc Hân	N	NN1908A1	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	G11	
290	DA3	4050	22/08/2023	B1900453	Bùi Minh Hiếu		NN1908A1	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	G13	
291	DA3	4050	22/08/2023	B1900450	Trần Ngọc Hân	N	NN1908A1	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	G15	
292	DA3	4050	22/08/2023	B1900296	Hàng Ngọc Diệu	N	NN1908A1	Công nghệ thực phẩm			G17	
293	DA3	4050	22/08/2023	B1900454	Vũ Thị Thu Hiền	N	NN1908A1	Công nghệ thực phẩm			G19	
294	DA3	4050	22/08/2023	B1900403	Nguyễn Thị Mỹ Anh	N	NN1908A1	Công nghệ thực phẩm			G21	
295	DA3	4050	22/08/2023	B1900005	Nguyễn Thị Ý Nhi	N	NN1908A1	Công nghệ thực phẩm			G23	
296	DA3	4050	22/08/2023	B1900435	Trần Thị Thùy Dương	N	NN1908A1	Công nghệ thực phẩm			G25	
297	DA3	4050	22/08/2023	B1900409	Thái Thị Ngọc Ánh	N	NN1908A1	Công nghệ thực phẩm			G27	
298	DA3	4050	22/08/2023	B1900401	Ngô Hoàng Anh		NN1908A1	Công nghệ thực phẩm			G29	
299	DA3	4050	22/08/2023	B1900459	Tăng Lê Hòa		NN1908A1	Công nghệ thực phẩm			G31	
300	DA3	4050	22/08/2023	B1900419	Lê Chấn Chính		NN1908A1	Công nghệ thực phẩm			G33	
301	DA3	4050	22/08/2023	B1900003	Trần Thị Ngọc Mai	N	NN1908A1	Công nghệ thực phẩm			G35	
302	DA3	4050	22/08/2023	B1900001	Nguyễn Thị Thu Ba	N	NN1908A1	Công nghệ thực phẩm			G37	
303	DA2	2598	12/06/2023	B1900457	Lâm Minh Hoàng		NN1908A1	Công nghệ thực phẩm			G39	
304	DA3	4050	22/08/2023	B1900002	Huỳnh Nhật Huy		NN1908A1	Công nghệ thực phẩm			H1	

TT	Đợt TN	QĐ	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Nữ	Mã Lớp	Tên ngành	Xếp loại KT	Giấy khen	Số Ghế	Ghi chú
305	DA3	4050	22/08/2023	B1900004	Trần Thị Kim Nhật	N	NN1908A1	Công nghệ thực phẩm			H3	
306	DA3	4050	22/08/2023	B1900719	Trần Thị Ngọc Hân	N	NN1908A2	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	H5	
307	DA3	4050	22/08/2023	B1900670	Nguyễn Hoàng Anh		NN1908A2	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	H7	
308	DA3	4050	22/08/2023	B1900673	Phạm Hoàng Anh		NN1908A2	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	H9	
309	DA3	4050	22/08/2023	B1900683	Mai Thị Bình	N	NN1908A2	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	H11	
310	DA3	4050	22/08/2023	B1900712	Nguyễn Nhật Hào		NN1908A2	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	H13	
311	DA3	4050	22/08/2023	B1900694	Trương Võ Hạnh Dung	N	NN1908A2	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	H15	
312	DA3	4050	22/08/2023	B1900681	Huỳnh Thị Bằng Bằng	N	NN1908A2	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	H17	
313	DA3	4050	22/08/2023	B1900701	Nguyễn Thị Trúc Duyên	N	NN1908A2	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	H19	
314	DA3	4050	22/08/2023	B1900692	Trần Ngọc Diệp	N	NN1908A2	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	H21	
315	DA3	4050	22/08/2023	B1900715	Bùi Thị Ngọc Hân	N	NN1908A2	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	H23	
316	DA3	4050	22/08/2023	B1900714	Nguyễn Thị Tuyết Hạ	N	NN1908A2	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	H25	
317	DA3	4050	22/08/2023	B1900721	Võ Đoàn Phượng Hằng	N	NN1908A2	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	H27	
318	DA2	2598	12/06/2023	B1900700	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	N	NN1908A2	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	H29	
319	DA3	4050	22/08/2023	B1900671	Nguyễn Thị Mỹ Anh	N	NN1908A2	Công nghệ thực phẩm			H31	
320	DA3	4050	22/08/2023	B1900695	Huỳnh Khánh Duy		NN1908A2	Công nghệ thực phẩm			H33	
321	DA3	4050	22/08/2023	B1900674	Sơn Thị Kiều Anh	N	NN1908A2	Công nghệ thực phẩm			H35	
322	DA2	2598	12/06/2023	B1900672	Nguyễn Thị Vân Anh	N	NN1908A2	Công nghệ thực phẩm			H37	
323	DA3	4050	22/08/2023	B1900679	Châu Nguyễn Gia Bảo		NN1908A2	Công nghệ thực phẩm			H39	
324	DA3	4050	22/08/2023	B1900685	Dương Thị Ngọc Châu	N	NN1908A2	Công nghệ thực phẩm			I1	
325	DA3	4050	22/08/2023	B1900716	Hồ Ngọc Hân	N	NN1908A2	Công nghệ thực phẩm			I3	
326	DA2	2598	12/06/2023	B1900690	Lê Thị Danh Danh	N	NN1908A2	Công nghệ thực phẩm			I5	
327	DA3	4050	22/08/2023	B1900006	Huỳnh Thị Ánh Duyên	N	NN1908A2	Công nghệ thực phẩm			I7	
328	DA3	4050	22/08/2023	B1900497	Võ Thị Trúc Ly	N	NN1908A3	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	I9	
329	DA3	4050	22/08/2023	B1900508	Trần Phương Nga	N	NN1908A3	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	I11	
330	DA3	4050	22/08/2023	B1900494	Nguyễn Văn Lộc		NN1908A3	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	I13	
331	DA3	4050	22/08/2023	B1900470	Tô Thị Chúc Huỳnh	N	NN1908A3	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	I15	
332	DA2	2598	12/06/2023	B1900520	Võ Hồng Ngân	N	NN1908A3	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	I17	
333	DA3	4050	22/08/2023	B1900476	Bùi Quốc Khải		NN1908A3	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	I19	
334	DA3	4050	22/08/2023	B1900517	Nguyễn Nhựt Gia Ngân	N	NN1908A3	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	I21	
335	DA3	4050	22/08/2023	B1900492	Trần Thị Yến Linh	N	NN1908A3	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	I23	

TT	Đợt TN	QĐ	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Nữ	Mã Lớp	Tên ngành	Xếp loại KT	Giấy khen	Số Ghế	Ghi chú
336	DA2	2598	12/06/2023	B1900515	Nguyễn Thị Thanh Ngân	N	NN1908A3	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	I25	
337	DA3	4050	22/08/2023	B1900523	Nguyễn Lê Hồng Ngọc	N	NN1908A3	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	I27	
338	DA2	2598	12/06/2023	B1900488	Nguyễn Thị Mai Linh	N	NN1908A3	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	I29	
339	DA3	4050	22/08/2023	B1900511	Lê Kim Ngân	N	NN1908A3	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	I31	
340	DA3	4050	22/08/2023	B1900467	Trần Thị Huyền	N	NN1908A3	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	I33	
341	DA3	4050	22/08/2023	B1900477	Nguyễn Thế Khải		NN1908A3	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	I35	
342	DA3	4050	22/08/2023	B1900514	Ngô Thị Kim Ngân	N	NN1908A3	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	I37	
343	DA3	4050	22/08/2023	B1900485	Bùi Thị Yến Linh	N	NN1908A3	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	I39	
344	DA3	4050	22/08/2023	B1900524	Lê Nguyễn Phước Nguyên		NN1908A3	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	K1	
345	DA3	4050	22/08/2023	B1900519	Phú Khánh Ngân	N	NN1908A3	Công nghệ thực phẩm			K3	
346	DA3	4050	22/08/2023	B1900491	Trần Thị Thùy Linh	N	NN1908A3	Công nghệ thực phẩm			K5	
347	DA2	2598	12/06/2023	B1900516	Nguyễn Thị Thanh Ngân	N	NN1908A3	Công nghệ thực phẩm			K7	
348	DA3	4050	22/08/2023	B1900509	Bùi Thị Kim Ngân	N	NN1908A3	Công nghệ thực phẩm			K9	
349	DA3	4050	22/08/2023	B1900474	Nguyễn Tấn Kha		NN1908A3	Công nghệ thực phẩm			K11	
350	DA2	2598	12/06/2023	B1900461	Nguyễn Thị Huệ	N	NN1908A3	Công nghệ thực phẩm			K13	
351	DA3	4050	22/08/2023	B1900484	Nguyễn Thị Nhật Lệ	N	NN1908A3	Công nghệ thực phẩm			K15	
352	DA2	2598	12/06/2023	B1900487	Nguyễn Thị Phương Linh	N	NN1908A3	Công nghệ thực phẩm			K17	
353	DA3	4050	22/08/2023	B1900472	Trương Thị Kim Hương	N	NN1908A3	Công nghệ thực phẩm			K19	
354	DA3	4050	22/08/2023	B1900495	Phạm Văn Lợi		NN1908A3	Công nghệ thực phẩm			K21	
355	DA3	4050	22/08/2023	B1900498	Phan Thị Thu Mai	N	NN1908A3	Công nghệ thực phẩm			K23	
356	DA2	2598	12/06/2023	B1900466	Ngô Thị Kim Huyền	N	NN1908A3	Công nghệ thực phẩm			K25	
357	DA3	4050	22/08/2023	B1900465	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	N	NN1908A3	Công nghệ thực phẩm			K27	
358	DA2	2598	12/06/2023	B1900513	Lý Kim Ngân	N	NN1908A3	Công nghệ thực phẩm			K29	
359	DA3	4050	22/08/2023	B1900489	Phan Thị Kiều Linh	N	NN1908A3	Công nghệ thực phẩm			K31	
360	DA3	4050	22/08/2023	B1900578	Huỳnh Thị Hồng Sơn	N	NN1908A4	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	K33	
361	DA3	4050	22/08/2023	B1900577	Trần Thị Trúc Quỳnh	N	NN1908A4	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	K35	
362	DA3	4050	22/08/2023	B1900574	Huỳnh Như Quỳnh	N	NN1908A4	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	K37	
363	DA3	4050	22/08/2023	B1900557	Võ Thị Hoàng Oanh	N	NN1908A4	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	K39	
364	DA3	4050	22/08/2023	B1900582	Nguyễn Hoàng Tấn		NN1908A4	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	L1	
365	DA3	4050	22/08/2023	B1900564	Đặng Thị Thùy Phương	N	NN1908A4	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	L3	
366	DA3	4050	22/08/2023	B1900533	Lâm Thị Uyển Nhi	N	NN1908A4	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	L5	

TT	Đợt TN	QĐ	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Nữ	Mã Lớp	Tên ngành	Xếp loại KT	Giấy khen	Số Ghế	Ghi chú
367	DA3	4050	22/08/2023	B1900547	Lê Huỳnh Như	N	NN1908A4	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	L7	
368	DA2	2598	12/06/2023	B1900535	Lê Yến Nhi	N	NN1908A4	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	L9	
369	DA2	2598	12/06/2023	B1900538	Thị Nhi	N	NN1908A4	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	L11	
370	DA3	4050	22/08/2023	B1900530	Trần Thị Nhân	N	NN1908A4	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	L13	
371	DA3	4050	22/08/2023	B1900534	Lê Thị Yến Nhi	N	NN1908A4	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	L15	
372	DA3	4050	22/08/2023	B1900554	Võ Thị So Ny	N	NN1908A4	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	L17	
373	DA3	4050	22/08/2023	B1900544	Trần Thị Tuyết Nhung	N	NN1908A4	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	L19	
374	DA2	2598	12/06/2023	B1900584	Thạch Lý Ngọc Thanh	N	NN1908A4	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	L21	
375	DA2	2598	12/06/2023	B1900590	Thị Thu Thảo	N	NN1908A4	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	L23	
376	DA3	4050	22/08/2023	B1900551	Tống Thị Tuyết Như	N	NN1908A4	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	L25	
377	DA3	4050	22/08/2023	B1900532	Huỳnh Quyển Nhi	N	NN1908A4	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	L27	
378	DA3	4050	22/08/2023	B1900566	Hồ Thị Kim Phượng	N	NN1908A4	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	L29	
379	DA3	4050	22/08/2023	B1900527	Trần Minh Nguyễn		NN1908A4	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	L31	
380	DA3	4050	22/08/2023	B1900587	Đoàn Thanh Thảo	N	NN1908A4	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	L33	
381	DA3	4050	22/08/2023	B1900573	Tô Thị Như Quyển	N	NN1908A4	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	L35	
382	DA3	4050	22/08/2023	B1900528	Hồ Thanh Nhân		NN1908A4	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	L37	
383	DA3	4050	22/08/2023	B1900561	Nguyễn Hồ Hạnh Phúc	N	NN1908A4	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	L39	
384	DA3	4050	22/08/2023	B1900575	Nguyễn Phương Quỳnh	N	NN1908A4	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	M1	
385	DA2	2598	12/06/2023	B1900585	Trần Khánh Nhật Thanh	N	NN1908A4	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	M3	
386	DA3	4050	22/08/2023	B1900555	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	N	NN1908A4	Công nghệ thực phẩm			M5	
387	DA2	2598	12/06/2023	B1900541	Vưu Thị Yến Nhi	N	NN1908A4	Công nghệ thực phẩm			M7	
388	DA3	4050	22/08/2023	B1900571	Sơn Hoàng Quyên	N	NN1908A4	Công nghệ thực phẩm			M9	
389	DA2	2598	12/06/2023	B1900568	Đỗ Thị Ngọc Quý	N	NN1908A4	Công nghệ thực phẩm			M11	
390	DA3	4050	22/08/2023	B1900536	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	N	NN1908A4	Công nghệ thực phẩm			M13	
391	DA2	2598	12/06/2023	B1900550	Phan Thị Hạ Như	N	NN1908A4	Công nghệ thực phẩm			M15	
392	DA3	4050	22/08/2023	B1900565	Phạm Yến Phương	N	NN1908A4	Công nghệ thực phẩm			M17	
393	DA3	4050	22/08/2023	B1900644	Hồ Thị Khả Tú	N	NN1908A5	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	M19	
394	DA3	4050	22/08/2023	B1900664	Huỳnh Thị Như Ý	N	NN1908A5	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	M21	
395	DA2	2598	12/06/2023	B1900610	Phan Lê Anh Thư	N	NN1908A5	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	M23	
396	DA3	4050	22/08/2023	B1900622	Hứa Thị Thiên Trang	N	NN1908A5	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	M25	
397	DA3	4050	22/08/2023	B1900651	Trần Thị Bích Vân	N	NN1908A5	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	M27	

TT	Đợt TN	QĐ	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Nữ	Mã Lớp	Tên ngành	Xếp loại KT	Giấy khen	Số Ghế	Ghi chú
398	DA3	4050	22/08/2023	B1900626	Phan Thị Ngọc Trâm	N	NN1908A5	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	M29	
399	DA3	4050	22/08/2023	B1900650	Lê Phương Uyên	N	NN1908A5	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	M31	
400	DA3	4050	22/08/2023	B1900652	Lê Thúy Vi	N	NN1908A5	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	M33	
401	DA3	4050	22/08/2023	B1900649	Đặng Thị Tố Uyên	N	NN1908A5	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	M35	
402	DA2	2598	12/06/2023	B1900665	Lê Phạm Như Ý	N	NN1908A5	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	M37	
403	DA3	4050	22/08/2023	B1900637	Cao Ngọc Phương Trinh	N	NN1908A5	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	M39	
404	DA3	4050	22/08/2023	B1900602	Trương Minh Thuận		NN1908A5	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	N1	
405	DA2	2598	12/06/2023	B1900628	Huỳnh Thị Huyền Trân	N	NN1908A5	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	N3	
406	DA3	4050	22/08/2023	B1900646	Nguyễn Quang Tùng		NN1908A5	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	N5	
407	DA3	4050	22/08/2023	B1900648	Cao Thúy Uyên	N	NN1908A5	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	N7	
408	DA3	4050	22/08/2023	B1900666	Nguyễn Thị Mỹ Ý	N	NN1908A5	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	N9	
409	DA2	2598	12/06/2023	B1900603	Danh Thị Minh Thúy	N	NN1908A5	Công nghệ thực phẩm			N11	
410	DA3	4050	22/08/2023	B1900629	Lê Thị Bảo Trân	N	NN1908A5	Công nghệ thực phẩm			N13	
411	DA3	4050	22/08/2023	B1900633	Nguyễn Thị Bảo Trân	N	NN1908A5	Công nghệ thực phẩm			N15	
412	DA3	4050	22/08/2023	B1900643	Nguyễn Thị Phương Tuyền	N	NN1908A5	Công nghệ thực phẩm			N17	
413	DA2	2598	12/06/2023	B1900596	Võ Thị Anh Thi	N	NN1908A5	Công nghệ thực phẩm			N19	
414	DA3	4050	22/08/2023	B1900634	Phan Thị Kiều Trân	N	NN1908A5	Công nghệ thực phẩm			N21	
415	DA2	2598	12/06/2023	B1900609	Nguyễn Thị Huyền Thư	N	NN1908A5	Công nghệ thực phẩm			N23	
416	DA2	2598	12/06/2023	B1900607	Lê Dương Anh Thư	N	NN1908A5	Công nghệ thực phẩm			N25	
417	DA2	2598	12/06/2023	B1900624	Bùi Thị Bích Trâm	N	NN1908A5	Công nghệ thực phẩm			N27	
418	DA2	2598	12/06/2023	B1900632	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	N	NN1908A5	Công nghệ thực phẩm			N29	
419	DA3	4050	22/08/2023	B1900655	Hồ Ái Vy	N	NN1908A5	Công nghệ thực phẩm			N31	
420	DA3	4050	22/08/2023	B1900661	Đinh Thị Ngọc Yến	N	NN1908A5	Công nghệ thực phẩm			N33	
421	DA2	2598	12/06/2023	B1900615	Lâm Thị Mỹ Tiên	N	NN1908A5	Công nghệ thực phẩm			N35	
422	DA2	2598	12/06/2023	B1900636	Hồ Ngọc Trâm	N	NN1908A5	Công nghệ thực phẩm			N37	
423	DA3	4050	22/08/2023	B1900645	Trần Hoàng Tú		NN1908A5	Công nghệ thực phẩm			N39	
424	DA3	4050	22/08/2023	B1900656	Huỳnh Nguyễn Khánh Vy	N	NN1908A5	Công nghệ thực phẩm			O1	
425	DA3	4050	22/08/2023	B1900623	Nguyễn Thị Thu Trang	N	NN1908A5	Công nghệ thực phẩm			O3	
426	DA3	4050	22/08/2023	B1900631	Nguyễn Thị Ngọc Trân	N	NN1908A5	Công nghệ thực phẩm			O5	
427	DA2	2598	12/06/2023	B1900627	Bùi Ngọc Trân	N	NN1908A5	Công nghệ thực phẩm			O7	
428	DA3	4050	22/08/2023	B1900614	Huỳnh Thị Kiều Tiên	N	NN1908A5	Công nghệ thực phẩm			O9	

TT	Đợt TN	QĐ	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Nữ	Mã Lớp	Tên ngành	Xếp loại KT	Giấy khen	Số Ghế	Ghi chú
429	DA3	4050	22/08/2023	B1900613	Phạm Thị Hoài Thương	N	NN1908A5	Công nghệ thực phẩm			O11	
430	DA3	4050	22/08/2023	B1900787	Phạm Kim Ngân	N	NN1908A6	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	O13	
431	DA3	4050	22/08/2023	B1900744	Nguyễn Duy Khánh		NN1908A6	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	O15	
432	DA2	2598	12/06/2023	B1900726	Lê Thạch Kim Hoàng	N	NN1908A6	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	O17	
433	DA3	4050	22/08/2023	B1900736	Vũ Khánh Huyền	N	NN1908A6	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	O19	
434	DA3	4050	22/08/2023	B1900749	Lưu Thị Ngọc Lan	N	NN1908A6	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	O21	
435	DA3	4050	22/08/2023	B1900734	Nguyễn Thị Bích Huyền	N	NN1908A6	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	O23	
436	DA3	4050	22/08/2023	B1900724	Thạch Lê Xuân Hoa	N	NN1908A6	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	O25	
437	DA3	4050	22/08/2023	B1900788	Tô Thị Thanh Ngân	N	NN1908A6	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	O27	
438	DA3	4050	22/08/2023	B1900728	Trần Thị Ngọc Hòa	N	NN1908A6	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	O29	
439	DA3	4050	22/08/2023	B1900761	Bùi Thị Trúc Loan	N	NN1908A6	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	O31	
440	DA3	4050	22/08/2023	B1900791	Lưu Thị Tú Ngọc	N	NN1908A6	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	O33	
441	DA3	4050	22/08/2023	B1900767	La Gia Mẫn	N	NN1908A6	Công nghệ thực phẩm			O35	
442	DA3	4050	22/08/2023	B1900783	Ngô Tú Ngân	N	NN1908A6	Công nghệ thực phẩm			O37	
443	DA3	4050	22/08/2023	B1900758	Tô Nhã Linh	N	NN1908A6	Công nghệ thực phẩm			O39	
444	DA3	4050	22/08/2023	B1900777	Trương Thanh Nga	N	NN1908A6	Công nghệ thực phẩm			P1	
445	DA3	4050	22/08/2023	B1900782	Mã Thúy Ngân	N	NN1908A6	Công nghệ thực phẩm			P3	
446	DA3	4050	22/08/2023	B1900735	Nguyễn Thị Huyền	N	NN1908A6	Công nghệ thực phẩm			P5	
447	DA3	4050	22/08/2023	B1900776	Trần Huỳnh Nga	N	NN1908A6	Công nghệ thực phẩm			P7	
448	DA3	4050	22/08/2023	B1900779	Lê Huyền Ngân	N	NN1908A6	Công nghệ thực phẩm			P9	
449	DA3	4050	22/08/2023	B1900732	Đinh Thị Mỹ Huyền	N	NN1908A6	Công nghệ thực phẩm			P11	
450	DA3	4050	22/08/2023	B1900751	Đỗ Hồng Lê	N	NN1908A6	Công nghệ thực phẩm			P13	
451	DA2	2598	12/06/2023	B1900747	Võ Trung Kiên		NN1908A6	Công nghệ thực phẩm			P15	
452	DA2	2598	12/06/2023	B1900746	Trần Phạm Gia Khiêm		NN1908A6	Công nghệ thực phẩm			P17	
453	DA3	4050	22/08/2023	B1900757	Phan Nhật Linh		NN1908A6	Công nghệ thực phẩm			P19	
454	DA3	4050	22/08/2023	B1900733	Lê Ngọc Huyền	N	NN1908A6	Công nghệ thực phẩm			P21	
455	DA2	2598	12/06/2023	B1900773	Nguyễn Gia Mỹ	N	NN1908A6	Công nghệ thực phẩm			P23	
456	DA3	4050	22/08/2023	B1900743	Nguyễn Minh Khang		NN1908A6	Công nghệ thực phẩm			P25	
457	DA3	4050	22/08/2023	B1900727	Phạm Khải Hoàng		NN1908A6	Công nghệ thực phẩm			P27	
458	DA3	4050	22/08/2023	B1900723	Huỳnh Thị Hồng Hoa	N	NN1908A6	Công nghệ thực phẩm			P29	
459	DA3	4050	22/08/2023	B1900775	Đinh Nguyễn Hoài Nam		NN1908A6	Công nghệ thực phẩm			P31	

TT	Đợt TN	QĐ	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Nữ	Mã Lớp	Tên ngành	Xếp loại KT	Giấy khen	Số Ghế	Ghi chú
460	DA2	2598	12/06/2023	B1900755	Nguyễn Thị Thùy Linh	N	NN1908A6	Công nghệ thực phẩm			P33	
461	DA3	4050	22/08/2023	B1900820	Võ Huỳnh Như	N	NN1908A7	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	P35	
462	DA3	4050	22/08/2023	B1900795	Trần Thị Tú Nguyên	N	NN1908A7	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	P37	
463	DA3	4050	22/08/2023	B1900818	Phan Tâm Như	N	NN1908A7	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	P39	
464	DA2	2598	12/06/2023	B1900844	Thái Thị Mỹ Quỳnh	N	NN1908A7	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	Q1	
465	DA3	4050	22/08/2023	B1900836	Nguyễn Quốc Qui		NN1908A7	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	Q3	
466	DA3	4050	22/08/2023	B1900846	Nguyễn Kiều Sen	N	NN1908A7	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	Q5	
467	DA3	4050	22/08/2023	B1900799	Đặng Ngọc Thảo Nhi	N	NN1908A7	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	Q7	
468	DA3	4050	22/08/2023	B1900837	Nguyễn Ngọc Quý		NN1908A7	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	Q9	
469	DA3	4050	22/08/2023	B1900831	Thái Minh Phúc		NN1908A7	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	Q11	
470	DA3	4050	22/08/2023	B1900793	Lương Thảo Nguyên	N	NN1908A7	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	Q13	
471	DA3	4050	22/08/2023	B1900859	Trần Thị Như Thảo	N	NN1908A7	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	Q15	
472	DA2	2598	12/06/2023	B1900794	Trần Thúy Nguyên	N	NN1908A7	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	Q17	
473	DA3	4050	22/08/2023	B1900838	Đỗ Thảo Quyên	N	NN1908A7	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	Q19	
474	DA2	2598	12/06/2023	B1900806	Phạm Nguyễn Yến Nhi	N	NN1908A7	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	Q21	
475	DA3	4050	22/08/2023	B1900852	Lê Ngọc Quế Thanh	N	NN1908A7	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	Q23	
476	DA3	4050	22/08/2023	B1900864	Bùi Nhã Thi	N	NN1908A7	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	Q25	
477	DA3	4050	22/08/2023	B1900854	Nguyễn Quốc Thái		NN1908A7	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	Q27	
478	DA3	4050	22/08/2023	B1900867	Lê Vạn Thọ		NN1908A7	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	Q29	
479	DA2	2598	12/06/2023	B1900817	Nguyễn Lê Huỳnh Như	N	NN1908A7	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	Q31	
480	DA3	4050	22/08/2023	B1900855	Châu Ngọc Phương Thảo	N	NN1908A7	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	Q33	
481	DA3	4050	22/08/2023	B1900802	Lê Thị Kim Nhi	N	NN1908A7	Công nghệ thực phẩm			Q35	
482	DA3	4050	22/08/2023	B1900822	Nguyễn Thị Kim Nương	N	NN1908A7	Công nghệ thực phẩm			Q37	
483	DA3	4050	22/08/2023	B1900866	Trần Văn Thoại		NN1908A7	Công nghệ thực phẩm			R1	
484	DA3	4050	22/08/2023	B1900825	Võ Hoàng Phi Oanh	N	NN1908A7	Công nghệ thực phẩm			R3	
485	DA3	4050	22/08/2023	B1900803	Lê Thị Yến Nhi	N	NN1908A7	Công nghệ thực phẩm			R5	
486	DA3	4050	22/08/2023	B1900808	Trần Thị Yến Nhi	N	NN1908A7	Công nghệ thực phẩm			R7	
487	DA2	2598	12/06/2023	B1900807	Thị Kim Nhi	N	NN1908A7	Công nghệ thực phẩm			R9	
488	DA3	4050	22/08/2023	B1900840	Trương Thị Tố Quyên	N	NN1908A7	Công nghệ thực phẩm			R11	
489	DA3	4050	22/08/2023	B1900828	Ông Thị Ngọc Phiêng	N	NN1908A7	Công nghệ thực phẩm			R13	
490	DA3	4050	22/08/2023	B1900809	Võ Thiên Nhi	N	NN1908A7	Công nghệ thực phẩm			R15	

TT	Đợt TN	QĐ	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Nữ	Mã Lớp	Tên ngành	Xếp loại KT	Giấy khen	Số Ghế	Ghi chú
491	DA3	4050	22/08/2023	B1900875	Lê Châu Mộng Thư	N	NN1908A8	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	R17	
492	DA3	4050	22/08/2023	B1900930	Nguyễn Hải Yến	N	NN1908A8	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	R19	
493	DA3	4050	22/08/2023	B1900902	Phan Ngọc Huyền Trân	N	NN1908A8	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	R21	
494	DA3	4050	22/08/2023	B1900921	Nguyễn Thị Khánh Vi	N	NN1908A8	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	R23	
495	DA3	4050	22/08/2023	B1900905	Nguyễn Quang Triết		NN1908A8	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	R25	
496	DA3	4050	22/08/2023	B1900936	Trần Thị Như Ý	N	NN1908A8	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	R27	
497	DA3	4050	22/08/2023	B1900897	Lê Thị Bảo Trân	N	NN1908A8	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	R29	
498	DA2	2598	12/06/2023	B1900898	Lư Bảo Trân	N	NN1908A8	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	R31	
499	DA3	4050	22/08/2023	B1900926	Võ Ngọc Tường Vy	N	NN1908A8	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	R33	
500	DA3	4050	22/08/2023	B1900885	Nguyễn Thị Kiều Tiên	N	NN1908A8	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	R35	
501	DA3	4050	22/08/2023	B1900871	Huỳnh Huỳnh Thuý	N	NN1908A8	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	R37	
502	DA3	4050	22/08/2023	B1900872	Nguyễn Thị Diễm Thúy	N	NN1908A8	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	S1	
503	DA3	4050	22/08/2023	B1900895	Trần Thị Bích Trâm	N	NN1908A8	Công nghệ thực phẩm			S3	
504	DA3	4050	22/08/2023	B1900868	Lê Thị Kim Thơ	N	NN1908A8	Công nghệ thực phẩm			S5	
505	DA3	4050	22/08/2023	B1900894	Nguyễn Thị Bảo Trâm	N	NN1908A8	Công nghệ thực phẩm			S7	
506	DA2	2598	12/06/2023	B1900869	Trần Thị Nhã Thơ	N	NN1908A8	Công nghệ thực phẩm			S9	
507	DA3	4050	22/08/2023	B1900882	Hà Trần Ái Tiên	N	NN1908A8	Công nghệ thực phẩm			S11	
508	DA3	4050	22/08/2023	B1900935	Nguyễn Thị Như Ý	N	NN1908A8	Công nghệ thực phẩm			S13	
509	DA3	4050	22/08/2023	B1913496	Huỳnh Tây Đô		NN1908A8	Công nghệ thực phẩm			S15	
510	DA3	4050	22/08/2023	B1900891	Nguyễn Thị Ngọc Trang	N	NN1908A8	Công nghệ thực phẩm			S17	
511	DA2	2598	12/06/2023	B1900878	Phan Thị Anh Thư	N	NN1908A8	Công nghệ thực phẩm			S19	
512	DA2	2598	12/06/2023	B1900888	Nguyễn Hữu Tín		NN1908A8	Công nghệ thực phẩm			S21	
513	DA3	4050	22/08/2023	B1900933	Huỳnh Thị Như Ý	N	NN1908A8	Công nghệ thực phẩm			S23	
514	DA2	2598	12/06/2023	B1900889	Trần Nguyễn Tính		NN1908A8	Công nghệ thực phẩm			S25	
515	DA3	4050	22/08/2023	B1900880	Võ Anh Thư	N	NN1908A8	Công nghệ thực phẩm			S27	
516	DA1	28	06/01/2023	B1800346	Võ Ngọc Thảo Nhi	N	NN1808A1	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	S29	
517	DA1L2	1150	27/03/2023	B1800386	Nguyễn Thị Anh Thư	N	NN1808A3	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	S31	
518	DA1	28	06/01/2023	B1800535	Huỳnh Tố Quyên	N	NN1808A4	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	x	S33	
519	DA1L2	1150	27/03/2023	B1800292	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	N	NN1808A3	Công nghệ thực phẩm			S35	
520	DA1	28	06/01/2023	B1800393	Dương Thanh Trang	N	NN1808A1	Công nghệ thực phẩm			T1	
521	DA1	28	06/01/2023	B1800423	Cao Minh Vững		NN1808A1	Công nghệ thực phẩm			T3	

TT	Đợt TN	QĐ	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Nữ	Mã Lớp	Tên ngành	Xếp loại KT	Giấy khen	Số Ghế	Ghi chú
522	DA1	28	06/01/2023	B1800491	Võ Tấn Lợi		NN1808A4	Công nghệ thực phẩm			T5	
523	DA1	28	06/01/2023	B1800279	Nguyễn Thị Thùy Dương	N	NN1808A1	Công nghệ thực phẩm			T7	
524	DA1	28	06/01/2023	B1800416	Nguyễn Thanh Tùng		NN1808A1	Công nghệ thực phẩm			T9	
525	DA1	28	06/01/2023	B1800477	Dương Nguyễn Đăng Khoa		NN1808A2	Công nghệ thực phẩm			T11	
526	DA1	28	06/01/2023	B1800501	Trần Triệu Ngân	N	NN1808A4	Công nghệ thực phẩm			T13	
527	DA1	28	06/01/2023	B1800005	Trần Tú Trinh	N	NN1808A1	Công nghệ thực phẩm			T15	
528	DA3	4050	22/08/2023	B1800006	Lê Thanh Huy		NN1808A2	Công nghệ thực phẩm			T17	
529	DA1	28	06/01/2023	B1800394	Trần Huyền Trang	N	NN1808A3	Công nghệ thực phẩm			T19	
					CNTP: 266							

SƠ ĐỒ HỘI TRƯỜNG LỚN (Tầng trệt)

Sân khấu

